

Số: 127 /2022/QĐST - HNGĐ

Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên họp: Bà Trịnh Thị Thiện

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Hạnh

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 173/2022/TLST - HNGĐ ngày 10/10/2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, Theo Quyết định mở phiên họp số 122/2022/QĐ-TA ngày 07/11/2022 gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

- Chị Đậu Thị P, sinh năm 2001, HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh Trần Văn Đ; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn S, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. (Hiện đang lao động tự do tại Đài Loan - Vắng mặt tại phiên họp).

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Đậu Thị P trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đậu Thị P và anh Trần Văn Đ đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 24/7/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện và không bị ai ép buộc. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2020, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vì vợ chồng tính cách không hòa hợp, sống thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Đến cuối năm 2021, anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan chưa biết thời gian nào mới về lại Việt Nam. Hiện tại, cả hai đều nhận thấy tình cảm không còn, không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên chị P làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Trần Thị Khánh V, sinh ngày 15/3/2019, hiện tại cháu đang sống cùng chị Đậu Thị P. Tại nội dung khởi kiện chị P trình bày khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, về cấp dưỡng nuôi con chung anh Đ đóng góp mức nào chị cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Văn Đ sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và được người thân của anh nhận thay. Quá trình xác minh người thân của anh Đ cung cấp thông tin hiện nay anh đang lao động tại Đài Loan nhưng không có địa chỉ cụ thể nên không thể cung cấp cho Tòa án. Anh Đ cũng đã biết được việc chị P làm đơn xin ly hôn và anh cũng hoàn toàn nhất trí như yêu cầu ly hôn của chị P.

Tại phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 110, 116, 117, 118, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 26/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao, Công văn số 253 ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao: Về tình cảm: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đậu Thị P và anh Trần Văn Đ; Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Đậu Thị P và anh Trần Văn Đ: Giao con chung Trần Thị Khánh V, sinh ngày 15/3/2019 cho chị Đậu Thị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh Đ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P mỗi tháng 2.000.000đ. Anh Đ có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm, cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của chị Đậu Thị P và anh Trần Văn Đ, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại Công văn số 20157/QLXNC-P5 ngày 28/9/2022 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an thể hiện: Anh Trần Văn Đ, sinh ngày 22/4/1996, CMTND số 184178041, Hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất cảnh một lần vào ngày 13/02/2022 qua Sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ quy định tại khoản 25 Điều 3, các Điều 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29, 37, 39, 464, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

nội dung yêu cầu của chị Đậu Thị P và anh Trần Văn Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2] Để đảm bảo giải quyết vụ việc đúng quy định pháp luật, Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về anh Trần Văn Đ thông qua ông Trần Văn T (bố đẻ anh Đ) và được ông cung cấp thông tin hiện nay anh Trần Văn Đ đang lao động tại Đài Loan và thường xuyên liên lạc về với gia đình qua điện thoại nhưng địa chỉ cụ thể của anh Đ tại Đài Loan gia đình không rõ. Tòa án đã kết nối điện thoại qua cuộc gọi hình ảnh trên ứng dụng messenger được ghi âm, ghi hình trực tiếp với sự chứng kiến của gia đình và Đ diện chính quyền địa P xác nhận anh Trần Văn Đ là chồng chị Đậu Thị P. Trao đổi qua điện thoại, anh Đ trình bày thống nhất về thời gian, địa điểm kết hôn, cuộc sống vợ chồng, quan hệ con chung đúng như chị P đã trình bày. Vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai thiếu sự quan tâm và chia sẻ với nhau, hiện tại, anh cũng nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, nên chị P làm đơn ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn; Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Trần Thị Khánh V, sinh ngày 15/3/2019, khi ly hôn anh cũng nhất trí giao con chung cho chị Đậu Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành 18 tuổi). Về tài sản chung, nợ chung: Anh cũng thống nhất như đề nghị của chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh Đ trình bày thêm hiện tại anh đang lao động tự do tại Đài Loan do điều kiện công việc anh không thể về Việt Nam để trực tiếp giải quyết việc ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt theo thủ tục rút gọn, anh đồng ý việc Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng qua người thân ở Việt Nam là bố đẻ ông Trần Văn T; địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Ông Trần Văn T cũng nhất trí nội dung anh Trần Văn Đ đã trình bày. Xét thấy, chị Đậu Thị P và anh Trần Văn Đ đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về quan hệ tình cảm, con chung, tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, Tòa án căn cứ quy định tại Điều 29, 361 Bộ luật tố tụng dân sự chuyển quan hệ pháp luật từ vụ án “*Ly hôn*” thành “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” và căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Đ thông qua người thân tại Việt Nam.

[1.3] Chị Đậu Thị P có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; Anh Trần Văn Đ đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt chị Đậu Thị P và anh Trần Văn Đ theo thủ tục chung.

[1.4] Anh Trần Văn Đ hiện đang lao động tự do tại Đài Loan không thể về Việt Nam, chị Đậu Thị P có văn bản đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Căn cứ các Điều 205, 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ban hành Thông báo số 62/TB – TA ngày 31/10/2022 về việc vụ việc không hòa giải được.

[1.5] Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân gia đình theo đúng quy định pháp luật.

[1.6] Tòa án yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu chứng cứ và tiến hành xác minh tài liệu chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ là tuân thủ quy định tại các điều 93, 94, 95, 96, 97, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đậu Thị P và anh Trần Văn Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/7/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vì vợ chồng tính cách không hòa hợp, sống thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ nên tình cảm dần phai nhạt. Hiện tại, chị P và anh Đ đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục, duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa, mong muốn được ly hôn để tạo lập cuộc sống mới.

Xét thấy: Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng hôn nhân giữa chị P và anh Đ không đạt được mục đích đó, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, chung thủy, giúp đỡ nhau.

Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn” (khoản 1 Điều 51); “Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn....”(Điều 55).

Như vậy, chị Đậu Thị P và anh Trần Văn Đ đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Đậu Thị P và anh Trần Văn Đ có 01 con chung Trần Thị Khánh V, sinh ngày 15/3/2019. Tại nội dung đơn khởi kiện chị P trình bày khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, về cấp dưỡng nuôi con chung anh Đ đóng góp mức nào chị cũng đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án anh Đ đồng ý giao con chung cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Đ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi),

chị P cũng hoàn toàn thống nhất như đề nghị của anh Đ. Do đó, cần căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117, 118, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình, ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của vợ chồng về việc chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung như các đương sự đã trình bày.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn, nuôi con của chị Đậu Thị P và anh Trần Văn Đ.

[3] Về lệ phí: Các đương sự phải chịu lệ phí việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 146, 149, 361, 367, 369, 370 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 110, 116, 117, 118, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 4, 6, 9, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đậu Thị P và anh Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Đậu Thị P và anh Trần Văn Đ: Giao con chung Trần Thị Khánh V, sinh ngày 15/3/2019 cho chị Đậu Thị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Văn Đ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P mỗi tháng 2.000.000đ từ thời điểm ly hôn cho đến khi cháu Trần Thị Khánh V đủ tròn 18 tuổi. Anh Đ có quyền đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

3 Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Đậu Thị P (đã nộp tại biên lai số 0000303 ngày 07/10/2022 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đậu Thị P về nộp tiếp số tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng)

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKS, THA tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC HNGĐ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Trịnh Thị Thiện